

Số: **191/2026/QĐST-KDTM**

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 142/2026/TLST-KDTM ngày 02/7/2026 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 28/8/2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q1**

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - số A P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H - Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng (Theo Giấy ủy quyền số 171903.26 ngày 01/06/2026).

Bà Nguyễn Thị H ủy quyền lại cho:

- Ông Vũ Tiến B
- Ông Hoàng Mạnh T
- Ông Nguyễn Chí Đ

(Theo Giấy ủy quyền số 193619.26 ngày 25/6/2026).

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần N.**

Trụ sở: Tầng 9, số I, ngõ G đường L, phường T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T1, sinh ngày 18/8/1977 – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Nhà V thôn Đ, phường T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Ngô Dương Q**, sinh ngày 08/6/1972. Nơi thường trú: Số B - Đ Khu đô thị H, Thành phố N, tỉnh N nay là số B Đ phường Đ, tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ hiện nay: số A Tòa S Vinhomes M city, phường T, Tp Hà Nội.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Dũng T2, sinh năm 1984.**

Địa chỉ: Căn hộ D THVP Nhà ở CC KHDVTM HBI 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định giữa Công ty cổ phần N (Mã số doanh nghiệp: 0110337398) và Ngân hàng TMCP Q1 - Chi nhánh H2- Phòng G đã ký kết 01 hợp đồng tín dụng số 1128386.25 ngày 25/12/2025 trong đó Ngân hàng TMCP Q1 cho Công ty cổ phần N vay số tiền gốc là: 24.000.000.000 đồng (hai mươi tư tỷ đồng)

2. Xác định giữa ông Nguyễn Văn Dũng T2 và Ngân hàng TMCP Q1- Chi nhánh H2 có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 3804/2025/CCGD do Văn phòng C2 công chứng ngày 25/12/2025 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội ngày 29/12/2025. Tài sản thế chấp là: "Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 104, tờ bản đồ số: 63, địa chỉ: số E Đường T, Tổ C Cụm G, Phường T, thành phố Hà Nội nay là Tổ dân phố số A, phường T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CN 575635, số vào sổ cấp GCN: CS 14323 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 05/04/2018 đứng tên bà Đàm Thị H1. Ngày 17/12/2025, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Dũng T2 theo hồ sơ số H26.103.25-251128-0366".

3. Xác định tính đến ngày 25/8/2026 Công ty cổ phần N (Mã số doanh nghiệp: 0110337398) còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 số tiền gốc và lãi cụ thể như sau:

Nợ gốc là: 24,000,000,000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 443,475,813 đồng, nợ lãi quá hạn là: 451,701,282 đồng. Tổng cộng: **24,895,177,095 đồng** (Hai mươi tư tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi lăm đồng)

4. Các bên cam kết thanh toán như sau: Ngay khi bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật Công ty cổ phần N cam kết thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là: **24,895,177,095 đồng** (Hai mươi tư tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi lăm đồng) cho Ngân hàng TMCP Q1

+ Nếu Công ty cổ phần N không thanh toán được nợ theo cam kết trên thì ông Nguyễn Văn Dũng T2 đồng ý để nguyên đơn có toàn quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn, tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 104, tờ bản đồ số: 63, địa chỉ: số E Đường T, Tổ C Cụm G, Phường T, thành phố Hà Nội nay là Tổ dân phố số A, phường T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CN 575635, số vào sổ cấp

GCN: CS 14323 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 05/04/2018 đứng tên bà Đàm Thị H1. Ngày 17/12/2025, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Dũng T2 theo hồ sơ số H26.103.25-251128-0366

5. Ngoài số tiền gốc và lãi phải thanh toán trên, Công ty cổ phần N còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/8/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

6. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả Khoản nợ của Công ty Cổ phần N với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì Công ty Cổ phần N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết Khoản nợ còn lại cho VIB

7. Về án phí: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về án phí như sau:

+ Bị đơn chịu **66.447.589 đồng** (Sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP Q1 không phải chịu án phí, trả lại Ngân hàng TMCP Q1 **66.209.891** (Sáu mươi sáu triệu, hai trăm linh chín nghìn, tám trăm chín mươi một) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số: 0000053 ngày 01/7/2026 tại Chi cục thi hành án dân sự khu vực 4 - Hà Nội.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 34, Điều 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

9. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 4 - Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

(đã ký)

Lê Thị Thảo